

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ánh.

Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp 3, xã HT, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 3, xã HT, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã ĐBK, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng quen biết nhau thông qua mai mối, sau đó tự tìm hiểu một thời gian rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới ngày 07/6/2015, đăng ký kết hôn ngày 5/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, khoảng hơn 06 tháng nay thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống. Vào khoảng tháng 6/2024,

chị T1 có nói về bên cha mẹ ruột để đám giỗ nhưng sau đó không trở về nhà nữa, mặc dù anh T đã cố gắng đến nhà cha mẹ vợ để khuyên nhủ, làm lành mong hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị T1 không đồng ý mà còn chửi anh T những lời lẽ khó nghe.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phụng, sinh ngày 16/11/2019. Hiện nay con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh T trình bày bổ sung: Anh T không có nói với ý xua đuổi chị T1 mà anh T có nói với mẹ vợ là để chị T1 ở lại chơi vài bữa cũng được. Ngày chị T1 lên thăm con thì anh T chở Cát Tường đi học và chở Cát Phụng đi khám bệnh ở bệnh viện Tâm Trí nên chị T1 không gặp được con, anh T không có nói không cho chị T1 thăm con, không có nói không cho rước con về nhà chơi.

- Theo biên bản hòa giải ngày 22/10/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 thừa nhận lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT. Trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể nào hàn gắn tình cảm. Nay chị T1 nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị T1 đồng ý ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phụng, sinh ngày 16/11/2019. Trước đây vào khoảng tháng 4 năm 2024 âm lịch, chị T1 có về nhà cha mẹ ruột đám giỗ ông bà, có chở hai đứa con theo về nhà cha mẹ ruột để ăn đám giỗ. Trong ngày đám giỗ thì anh T có xuống rước đứa con lớn tên Lê Nguyễn Cát Tường về làm văn nghệ ở trường, hai vợ chồng nói chuyện qua lại và do vợ chồng có cự cãi trước đó nên anh T nói chị T1 ở lại chơi hoặc ở lại luôn cũng được, anh T xuống nhưng không nói rước vợ con về nhà mà lại nói với ý xua đuổi chị T1 đi luôn, nên chị T1 giận ở lại nhà cha mẹ ruột cùng với đứa con nhỏ tên Lê Nguyễn Cát Phụng. Đến khoảng 01 tháng sau thì anh T xuống nhà cha mẹ ruột chị T1 xin rước Lê Nguyễn Cát Phụng về chơi vài ngày rồi trả lại nhưng sau đó anh T không trả lại. Khoảng 01 tuần sau không thấy anh T đem con xuống cho chị T1, chị T1 có lên thăm con và rước con về nhưng anh T chở con đi chỗ khác không cho chị T1 gặp mặt và còn nói không cho chị T1 rước về và từ đó đến nay chị T1 không được gặp con. Nay chị T1 yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T1 đang sinh sống ở nhà cha mẹ ruột và làm công việc mua bán

trái cây ở chợ xã ĐBK gần nhà cha mẹ ruột của chị T1, thu nhập cũng ổn định đủ điều kiện để nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Văn T có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị T1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T1 là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp 2, xã ĐBK, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh T, chị T1 quen biết nhau thông qua mai mối, sau đó tự tìm hiểu một thời gian rồi tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới ngày 07/6/2015, đăng ký kết hôn ngày 5/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; do đó hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, khoảng hơn 06 tháng nay (tính từ ngày nộp đơn khởi kiện) thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Chị T1 thừa nhận lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT. Trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không thể nào hàn gắn tình cảm. Nay chị T1 nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị T1 đồng ý ly hôn với anh T.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh T, chị T1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T, chị T1 có 02 con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phụng, sinh ngày 16/11/2019, hiện nay hai con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con; chị

T1 yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho anh T hay cho chị T1 nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung.

Xét thấy, theo anh Lê Văn T trình bày tại phiên tòa anh yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 cấp dưỡng nuôi con, với những căn cứ hiện nay anh là con trai út sống chung với cha mẹ, là chủ dịch vụ nấu ăn nên có thu nhập ổn định, cha mẹ đang canh tác hơn 200 công đất ruộng; hiện nay hai con chung đang sống chung với anh và đang đi học gần nhà. Cho nên, anh yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, để anh được nuôi dưỡng hai con chung.

Đối với chị Nguyễn Thị T1 cũng yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, vì chị T1 cho rằng chị bán trái cây tại chợ ĐBK, thu nhập ổn định, chị đang sống chung với cha mẹ và anh ruột của chị, việc mua bán trái cây mỗi ngày thu nhập 1.000.000 đồng, nên chị cũng đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Khi anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T1 ly thân cho đến nay thì hai con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phượng, sinh ngày 16/11/2019; đang sống chung với anh Lê Văn T, anh T là người trực tiếp đang nuôi dưỡng, cuộc sống cháu Lê Nguyễn Cát Tường và cháu Lê Nguyễn Cát Phượng đã ổn định, hiện nay anh Lê Văn T có thu nhập ổn định, đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của hai con chung; Cho nên, Hội đồng xét xử, giao con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phượng, sinh ngày 16/11/2019 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Nguyễn Cát Tường và cháu Lê Nguyễn Cát Phượng thành niên; tại phiên tòa anh Lê Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị T1 phải cấp dưỡng nuôi con, cho nên chị Nguyễn Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng anh T, chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Anh Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T1.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Cát Tường, sinh ngày 14/01/2018, Lê Nguyễn Cát Phụng, sinh ngày 16/11/2019; cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lê Nguyễn Cát Tường và cháu Lê Nguyễn Cát Phụng thành niên; chị Nguyễn Thị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

7. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng T1 án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số T1 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011184 ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

8. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh;
- Viện kiểm sát Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã HT, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (Giấy CNKH số 28 ngày 05/6/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án (Đạt).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Ngọc